TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Bốn

2. Ông Lê Văn Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Thạch Sa R, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Thạch Thi L, sinh năm 1985; địa chỉ: Hoa Kỳ (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, nguyên đơn anh Thạch Sa R có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và có bản tự khai trình bày:

Anh và chị Thạch Thi L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 08/11/2018, thời gian đầu hôn nhân chị L thường đi từ Mỹ về Việt Nam chung sống với anh, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng tương đối hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 đến nay giữa anh và chị L có nhiều mâu thuẫn trong lời nói, chị Lghen tuông vô cớ, gia đình chị L không đồng ý cho anh và chị L chung sống với nhau, chị L cũng không còn về Việt Nam, khoảng 03 năm nay giữa anh và chị Lkhông còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục hàn gắn được, anh yêu cầu được ly hôn với chị L, về con chung, tài sản chung và nợ chung

không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thạch Thi L có đề nghị giải quyết vắng mặt, có ý kiến tại Công văn số 17/TA-THC ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh như sau: Chị đồng ý ly hôn với anh Thạch Sa R, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đồng ý để Tòa án giải quyết vụ án sơm hơn thời gian ấn định tại Thông báo số 30/TB-TA ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đồng thời chị Lyêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy anh Sa R và chị L kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong quá trình hôn nhân giữa anh Sa R và chị L cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không có điều kiện chăm sóc lẫn nhau, anh Sa R yêu cầu được ly hôn với chị L, chị L cũng thống nhất ly hôn với anh Sa R. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị anh Sa R, cho anh Sa R ly hôn với chị L. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Anh Thạch Sa R khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thi L có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 20/11/2023 anh Thạch Sa R có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chị Thạch Thi L đồng ý cho Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thạch Sa R và chị Thạch Thi L

[3] Về hôn nhân: Anh Thạch Sa R kết hôn với chị Thạch Thi L vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam nên hôn nhân của anh Thạch Sa R và chị Thạch Thi L là hôn nhân hợp pháp. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để hai bên xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nhưng hôn nhân giữa anh Sa R với chị L có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, gia đình hai bên không đồng ý cho anh Sa R với chị L chung sống với nhau, hơn nữa hai người ở hai quốc gia khác nhau, đời sống vợ chồng không gần gũi nhau, không còn liên lạc với nhau trong thời gian dài, nên việc quan tâm, chăm sóc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không thể tiếp tục. Anh Sa R và chị Lđều có ý kiến là đồng ý ly hôn với nhau, nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Sa R, cho anh Sa R và chị L được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Thạch Sa R, cho anh Sa R được ly hôn với chị L; về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét, là có căn cứ nên được Hồi đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, anh Thạch Sa R phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp.

[9] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, anh Thạch Sa R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Thạch Sa R:

Về hôn nhân: Anh Thạch Sa R được ly hôn với chị Thạch Thi L

Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Anh Thạch Sa R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019490 ngày 21/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh; anh Thạch Sa R đã nộp đủ.

Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Thạch Sa R phải chịu 1.556.364 đồng (một triệu, năm trăm năm mơi sáu nghìn, ba trăm sáu mơi bốn đồng), anh Sa R đã trực tiếp chi trả cho tổ chức bưu chính tổng số tiền này, anh Sa R đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Riêng bị đơn đang ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 30 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lê Văn Tịnh **Nguyễn Hồng Bốn**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tịnh **Nguyễn Hồng Bốn** **Trịnh Hữu Bình**